

Bản án số: 2072/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/10/2018
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lang

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2160/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T; cư trú tại: Đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Tống D; cư trú tại: Đường T, Phường A, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày: Bà và ông Tống D có tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố H. Đây là lần thứ hai bà và ông D kết hôn, vì trước đây ông bà từng là vợ chồng nhưng đã ly hôn một lần vào năm 1998. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm, từ năm 2007 không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D thường xuyên mắng chửi bà, không chăm lo kinh tế, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình vì bản thân bà ở nhà nội trợ. Quan điểm trong cuộc sống gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận dẫn đến tình cảm vợ

chồng không còn. Tính tình ông D gia trưởng, độc đoán, thường ra lệnh mà không biết chia sẻ mọi việc trong cuộc sống. Bà và ông D đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Tống D đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn thì Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn cho thấy các đương sự đã có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thấy: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01-2003 ngày 19/3/2003 của Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố H thể hiện hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Nguyên đơn trình bày do quan điểm sống của đôi bên bất đồng, tính tình không hợp nên thường nảy sinh mâu thuẫn. Bên cạnh đó, bị đơn có tính gia trưởng, độc đoán nên thường xuyên xúc phạm, cấm đoán nguyên đơn giao tiếp với xã hội dẫn đến nguyên đơn bị khủng hoảng tâm lý. Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường A, quận B, Thành phố H có nội dung “đ/s Tổng D hiện không có ở nhà số ... Đường T, Phường A, quận B, Thành phố H. Đã bỏ đi khỏi địa phương khoảng 20 tháng” cho thấy trên thực tế các đương sự không còn chung sống với nhau. Nhận thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng lẫn nhau và cùng mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nay mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 131, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – bà Lê Thị T.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Tổng D.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003251 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường X, Q. Y, Tp.H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh